

Bản án số: 1082/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30/10/2019

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Hương

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Tấn Quang

2. Bà Lê Thị Mỹ Cẩm

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Trúc Giang – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 10 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 165/2019/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 02 năm 2019 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 128/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 9 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số: 199/2019/QĐST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2019 và Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 146/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 10 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Lê Thị K – sinh năm 1962 (có mặt)

Địa chỉ: 1.06 Chung cư D, đường Q, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Bị đơn: Ông Đỗ Ngọc H – sinh năm 1960

Địa chỉ: 25/1 đường V, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ hiện nay: 25/1^E đường V, Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh

Ông Đỗ Ngọc H vắng mặt lần thứ 2.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện ngày 15/01/2019 và trong quá trình tham gia tố tụng, Nguyên đơn - bà Lê Thị K trình bày: Bà và ông Đỗ Ngọc H tự nguyện kết hôn năm 1988 (Giấy chứng nhận kết hôn số: 152/UBP04; Quyền số: 01/1988 do UBND Phường U, quận B cấp ngày 12/9/1988). Quá trình chung sống không hạnh phúc do không hòa hợp hai bên có nhiều mâu thuẫn, từ năm 2016 đến nay đã ly thân nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Có 2 con chung là Đỗ Thị Phương T – sinh năm 1989 và Đỗ Hà P – sinh năm 1994. Hai con chung đã thành niên, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục tổng đạt Thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập cho ông H để tự khai; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng ông H đều vắng mặt.

Tại phiên tòa, Bị đơn – ông Đỗ Ngọc H vắng mặt.

Nguyên đơn – bà Lê Thị K trình bày: Vợ chồng mâu thuẫn từ 15 năm nay nhưng vì con bà cố gắng chịu đựng, đến nay các con đã trưởng thành nên bà muốn giải thoát bản thân để yên ổn cuộc sống. Hiện tại vợ chồng ly thân đã 3 năm, tình cảm không còn nên bà yêu cầu được ly hôn với ông H. Hai con chung đã trưởng thành, tài sản chung, nợ chung không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu:

- Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã làm đúng quy định của pháp luật. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử chấp nhận yêu cầu của Nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà K khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông H có nơi cư trú tại quận B, Thành phố Hồ Chí Minh. Căn cứ Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 thì thẩm quyền giải quyết yêu cầu của bà K thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc tham gia phiên tòa của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình: Trong vụ án này, Tòa án có thu thập chứng cứ nên Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Về sự có mặt của đương sự tại phiên tòa: Nguyên đơn – bà K có mặt. Bị đơn - ông H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông H theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[4] Về hôn nhân: Căn cứ bản chính Giấy chứng nhận kết hôn số: 152/UBP04; Quyền số: 01/1988 do UBND Phường U, quận B cấp ngày 12/9/1988 thì quan hệ hôn nhân giữa bà K và ông H là hợp pháp nên được pháp luật công nhận và bảo vệ. Bà K yêu cầu được ly hôn với ông H vì quá trình chung sống không hạnh phúc, từ năm 2016 đến nay đã ly thân.

Xét thấy: Quá trình giải quyết vụ án, ông H đã không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án chứng tỏ ông H không muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, bà K ông H ly thân đã lâu, mâu thuẫn giữa các bên là trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, không có khả năng hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của bà K, cho bà K được ly hôn ông H để hai bên cùng ổn định cuộc sống.

[5] Về con chung: Căn cứ bản sao Giấy khai sinh số: 216/1989 do UBND Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13/9/1989 và bản sao Giấy khai sinh số: 115 do UBND Phường U, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/5/1994 thì chị Đỗ Thị Phương T – sinh ngày 06/9/1989 và chị Đỗ Hà P – sinh ngày 07/5/1994 là con chung của ông H và bà K. Chị Đỗ Thị Phương T, Đỗ Hà P đã thành niên, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Bà K trình bày không có nên Hội đồng xét xử không có gì phải xem xét giải quyết, nếu sau này ông H có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

[7] Về án phí: Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án, bà K phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Điều 21; Khoản 1 Điều 28; điểm a Khoản 1 Điều 35; điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 227; Điều 228; Khoản 1 Điều 273; Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;
- Căn cứ vào Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014);
- Căn cứ vào điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn – bà Lê Thị K.

a. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị K được ly hôn ông Đỗ Ngọc H.

b. Về quan hệ con chung: Có 2 con chung là Đỗ Thị Phương T – sinh năm 1989 và Đỗ Hà P – sinh năm 1994. Hai con chung đã thành niên.

c. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Thị K trình bày không có, nếu sau này ông Đỗ Ngọc H có tranh chấp sẽ được giải quyết ở vụ án khác.

2/ Về án phí: Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Lê Thị K chịu, được cân trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Lê Thị K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: AA/2018/0037872 ngày 28/01/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

3/ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

4/ Về quyền kháng cáo: Bà Lê Thị K được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Ông Đỗ Ngọc H được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày được tổng đạt hoặc niêm yết bản án hợp lệ.

5/ Về quyền kháng nghị: Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình, Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự./.

Nơi nhận :

- Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình;
- Chi cục Thi hành án Dân sự quận Tân Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Thị Mai Hương